

Bản án số: 04/2025/HNGĐ- ST
Ngày 21/02/2025
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 401/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân B, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 48, phố H, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Nơi cư trú cuối cùng: Khu dân cư B, phường C, thành phố C, tỉnh H.

- Người làm chứng:

1. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1949.

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956.

Anh B vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), chị T vắng mặt không có lý do; bà C, ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày đề 04/01/2024 và bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Xuân B trình bày như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/02/2009, trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Chí L (nay là phường Sao Đ, thành phố Chí L), tỉnh Hải D. Sau khi kết hôn, anh và chị T chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh tại khu dân cư Thái Học 3, phường Sao Đ, thành phố Chí L, tỉnh Hải D. Anh chị có bàn bạc với nhau để chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài L. Trong thời gian lao động xa nhà thì vợ chồng vẫn hòa thuận bình thường. Đến năm 2015 chị T về nước nhưng không về nhà và cắt đứt mọi liên lạc với anh và gia đình, bạn bè. Anh và gia đình đã báo cáo chính quyền địa phương và tìm đủ mọi cách để tìm kiếm nhưng không có thông tin gì về chị T. Anh đã nhắn tin tìm chị T trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng chị T vẫn không trở về và không có tin tức gì.

Theo yêu cầu của anh, ngày 03/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Thanh T mất tích. Từ đó đến nay chị T vẫn biệt tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 25/09/2009. Hiện tại cháu N đang ở cùng anh. Nếu anh chị ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Anh hiện làm lao động tự do tại địa phương ở gần nhà, thu nhập bình quân 7.000.000/tháng có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh có nhà ở ổn định, có điều kiện về chỗ ăn, ở sinh hoạt cho hai bố con, cũng như thuận lợi cho việc học tập của cháu N.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có gửi công văn đến cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an và Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hải Dương yêu cầu cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Nguyễn Thị Thanh T thì được trả lời tại công văn số 27611/QLXNC-P3 ngày 19/11/2024 và CV số 2933/QLXNC ngày 12/12/2024: Theo Cục quản lý xuất nhập cảnh và Phòng Quản lý xuất nhập cảnh: trường hợp Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01/02/1985, CMND số: 142264331, có thông tin xuất cảnh ngày 09/05/2013, nhập cảnh ngày 19/05/2015, qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B7436916.

Ông Toạ - bố đẻ chị T trình bày và xác nhận: Chị T và anh B kết hôn năm 2009. Sau ngày cưới anh chị ở cùng với gia đình nhà anh B. Quá trình chung sống anh chị có hai con chung. Do anh chị ở xa và chị T cũng không chia sẻ gì với ông nên ông không nắm được mâu thuẫn cụ thể của anh chị là gì. Ông cũng biết chị T bỏ nhà đi từ khoảng năm 2014 đến nay không liên lạc và không về thăm gia đình ông và cũng không có tin tức gì. Nay anh B xin ly hôn chị T, gia đình ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Cháu N trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố. Vì cháu ở với bố đã quen rồi.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư Thái Học 3, phường Sao Đỏ xác định: Quá trình mâu thuẫn giữa anh B và chị T địa phương không nắm được. Chỉ xác định được từ lâu chị T đã không còn có mặt tại địa phương. Chị T đi đâu, làm gì đại diện cơ sở khu dân cư không nắm được. Nay anh B xin ly hôn chị T đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Chị T vắng mặt; anh B vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân B. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Xuân B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 25/09/2009 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh B. Chị T có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: anh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng để thông báo cho chị T đến Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh giải quyết vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Phạm Xuân B nhưng chị T vẫn biệt tích. Tại phiên tòa anh B và chị T đều vắng mặt (anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 199; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt anh B và chị T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân B và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn với nhau ngày 04/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2012 chị T tự ý bỏ nhà đi, anh B chỉ biết chị T đi xuất khẩu lao động và sau khi về nước, chị T bỏ đi đâu không rõ địa chỉ. Năm 2024, anh B đã có đơn yêu cầu Toà án tuyên bố chị T mất tích. Anh B và Toà án nhân dân thành

phó Chí Linh đã thông báo tìm kiếm chị T trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương nhưng chị T vẫn không trở về. Do vậy tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2024/QĐ- VDS ngày 03/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Thanh T mất tích. Như vậy thấy rằng trong quá trình chung sống anh B và chị T đã có mâu thuẫn. Từ năm 2012 đến nay chị T đã bỏ nhà đi không có tin tức gì. Anh chị đã ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét mâu thuẫn giữa anh B và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Mặt khác chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh B, xử cho anh Phạm Xuân B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Anh chị có một con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 25/09/2009. Hiện tại cháu N đang ở cùng anh B, anh B hiện làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân 7.000.000/tháng có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh có nhà ở ổn định, có điều kiện về chỗ ăn, ở sinh hoạt cho hai bố con, cũng như thuận lợi cho việc học tập của cháu N. Chị T hiện biệt tích không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của anh là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Do cháu N ở với anh B từ nhỏ và hiện đang ở cùng anh B vẫn được anh B chăm sóc tốt nên giao cháu N cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh B tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Do vậy chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh B là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Phạm Khánh N cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét anh B tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Anh B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân B.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Xuân B ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 25/09/2009 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh B. Chị T có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Xuân B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 số 0004270 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh B đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Sao Đỏ, thành phố
Chí Linh(để ghi vào sổ hộ tịch);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Vân Anh